

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2009

**THÔNG TƯ**

**hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán**

*Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức*

*của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn về công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG****1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong việc tuân thủ theo đúng các quy định của

Luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật chứng khoán, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 2 Quyết định số 63/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ, liên quan đến công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp báo cáo, đánh giá công tác giám sát hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán báo cáo Bộ Tài chính.

### 3. Phương thức giám sát

a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện công tác giám sát dựa trên thông tin từ các nguồn: Báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; Báo cáo của các công ty chứng khoán; Báo cáo của các công ty đại chúng; Báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch trên thị trường và các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn;

b) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ hoặc bất thường đối với Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

## II. NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát các hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 37 Luật chứng khoán, như sau:

1. Về việc ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ chứng khoán:

- Loại văn bản: Quy chế thành viên; Quy chế giao dịch chứng khoán; Quy chế giám sát giao dịch; Quy chế niêm yết; Quy chế công bố thông tin và các quy chế, quy định, quy trình khác do Sở Giao dịch chứng khoán ban hành liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Trình tự, thủ tục ban hành văn bản.  
- Nội dung ban hành, sửa đổi và bổ sung văn bản.

2. Về quản lý giao dịch chứng khoán:

- Hoạt động quản lý giao dịch: Tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán; Thay đổi hệ thống giao dịch; Thay đổi thời gian giao dịch, tạm ngừng giao dịch; Thay đổi phương thức giao dịch; Thay đổi biên độ dao động giá; Xác lập và hủy bỏ giao dịch và các hoạt động khác liên quan đến quản lý giao dịch.

- Trình tự, thủ tục, tổ chức thực hiện.

www.LuuVienPhapLuat.com  
0961971568  
Tel: +84-8-38456684

### 3. Quản lý thành viên giao dịch:

- Trình tự, thủ tục chấp thuận thành viên giao dịch.
- Đình chỉ tư cách thành viên giao dịch.
- Chấm dứt tư cách thành viên giao dịch.
- Cấp, đình chỉ và thu hồi thẻ đại diện giao dịch; cấp lại và gia hạn thẻ đại diện giao dịch.
- Các hoạt động khác liên quan đến quản lý thành viên giao dịch.

### 4. Quản lý niêm yết/đăng ký giao dịch chứng khoán:

- Trình tự, thủ tục đăng ký và chấp thuận niêm yết/đăng ký giao dịch lần đầu.
- Trình tự, thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch.
- Trình tự, thủ tục hủy niêm yết/đăng ký giao dịch.
- Các hoạt động khác liên quan đến quản lý niêm yết/đăng ký giao dịch.

### 5. Tổ chức đấu giá cổ phần, đấu thầu trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán:

- Trình tự, thủ tục đăng ký và chấp thuận tổ chức đấu giá, đấu thầu.
- Tổ chức hoạt động đấu giá, đấu thầu.

### 6. Hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán:

a) Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát.

### b) Giám sát giao dịch:

- Giám sát giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Chứng khoán bị kiểm soát và tạm ngừng giao dịch.
- Chế độ báo cáo và công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người có liên quan của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch.
- Hoạt động hòa giải tranh chấp phát sinh trong giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

### c) Giám sát thành viên giao dịch:

- Giám sát việc duy trì điều kiện thành viên giao dịch.
- Giám sát hoạt động giao dịch chứng khoán của thành viên giao dịch.
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin của thành viên giao dịch.
- Xử lý hành vi vi phạm của thành viên giao dịch.

### d) Giám sát niêm yết/đăng ký giao dịch:

- Giám sát việc duy trì điều kiện niêm yết/đăng ký giao dịch chứng khoán của các tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch.
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch.

- Xử lý hành vi vi phạm về niêm yết/ đăng ký giao dịch chứng khoán.

7. Thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán:

- Công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo định kỳ.

- Báo cáo bất thường.

- Báo cáo theo yêu cầu.

8. Xây dựng, duy trì, bảo vệ cơ sở dữ liệu và lưu giữ các chứng từ gốc liên quan đến hoạt động nghiệp vụ về chứng khoán.

9. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát của Sở Giao dịch Chứng khoán.

10. Công tác kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán.

11. Các hoạt động khác do Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### III. NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát các hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 Luật chứng khoán, như sau:

1. Về việc ban hành các văn bản:

- Loại văn bản: Quy chế thành viên lưu ký; Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; Quy chế thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán; Quy chế cấp mã chứng khoán; Các quy chế, quy định, quy trình khác do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành.

- Trình tự, thủ tục ban hành văn bản.

- Nội dung ban hành, sửa đổi và bổ sung văn bản.

- Tổ chức thực hiện quy định mới ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản.

2. Quản lý, giám sát thành viên lưu ký:

- Trình tự, thủ tục chấp thuận thành viên lưu ký;

- Trình tự, thủ tục đình chỉ, chấm dứt tư cách thành viên lưu ký;

- Hoạt động đăng ký, lưu ký và các hoạt động liên quan của thành viên lưu ký.

- Xử lý hành vi vi phạm của thành viên lưu ký.

3. Hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và dịch vụ khác có liên quan đến chứng khoán lưu ký.

4. Hoạt động sửa lỗi sau giao dịch.

5. Hoạt động quản lý rủi ro cho từng nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

6. Bồi thường thiệt hại cho khách hàng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

7. Cấp và quản lý mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài.

8. Cấp và quản lý mã chứng khoán.

9. Xây dựng, duy trì, bảo vệ cơ sở dữ liệu và lưu giữ các chứng từ gốc về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Cung cấp các thông tin liên quan đến việc sở hữu chứng khoán theo yêu cầu.

11. Thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin về hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

12. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

13. Công tác kiểm soát nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

14. Các hoạt động khác của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### IV. NGHĨA VỤ CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thực hiện các

nghĩa vụ liên quan đến công tác giám sát theo quy định tại Điều 38, Điều 46 và Điều 107 Luật chứng khoán cụ thể như sau:

1. Nghĩa vụ của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan; Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử đã cung cấp;

b) Tuân thủ quy định tại Điều lệ Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; Tuân thủ Quy chế, quy trình do Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành;

c) Tổ chức, thực hiện hoạt động kiểm soát nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và quy định do Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành.

2. Thực hiện báo cáo định kỳ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

a) Báo cáo tháng: Sở Giao dịch Chứng khoán lập báo cáo theo các nội dung quy

định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Mục I Phụ lục 01 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lập báo cáo theo các nội dung quy định tại điểm 1, 2, 3 và 4 Mục I Phụ lục 02 Thông tư này. Báo cáo tháng phải được gửi về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo;

b) Báo cáo năm: Sở Giao dịch Chứng khoán lập báo cáo theo các nội dung quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lập báo cáo theo các nội dung quy định tại Phụ lục 02 Thông tư này. Báo cáo năm phải được gửi về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng 20 ngày làm việc đầu tiên của năm tiếp theo;

c) Các báo cáo quy định tại tiết a, b Điểm 2 Mục này được lập dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử. Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm lưu giữ thông tin đã báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện báo cáo bất thường cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo bất thường theo quy định sau:

a) Các trường hợp phải báo cáo bất thường bao gồm:

- Ban hành văn bản mới, hoặc bổ sung, sửa đổi các văn bản hiện hành;

- Xử lý các hành vi vi phạm của các thành viên hoặc của các đối tượng thuộc lĩnh vực quản lý;

- Khi có kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

b) Báo cáo gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sự kiện nêu tại tiết a Điểm 3 Mục này phải bằng văn bản và bằng dữ liệu điện tử và trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi ban hành, xử lý hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán nhận được các kiến nghị, khiếu nại.

4. Báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có trách nhiệm gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản và bằng dữ liệu điện tử theo thời hạn Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định.

5. Nghĩa vụ giải trình và chịu sự kiểm tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

a) Khi có yêu cầu, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có nghĩa vụ giải trình và chịu sự

kiểm tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;

b) Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

## V. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thực hiện giám sát có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động đúng quy định pháp luật của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; không giải quyết kịp thời theo quy định pháp luật các vấn đề thuộc chức trách, nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có hành vi vi

phạm pháp luật liên quan đến các nội dung giám sát theo quy định tại Thông tư này thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính trong việc thực hiện giám sát theo chương trình, kế hoạch hàng năm đối với hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán trong việc tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

## Phụ lục 01

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA SGDCK**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 151/2009/TT-BTC ngày 23/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán)*

**SỞ GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../SGD...

Hà Nội, ngày... tháng... năm 200...

**I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán
2. Về việc ban hành các văn bản
  - Tên văn bản ban hành mới, số văn bản
  - Tên văn bản cũ, số văn bản
  - Tóm tắt nội dung văn bản mới ban hành, nội dung sửa đổi chính
3. Về quản lý, giám sát thành viên giao dịch
  - 3.1. Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên

**Biểu 1: Thống kê thành viên giao dịch**

| Số thành viên đầu kỳ | Số thành viên được chấp thuận | Số thành viên bị hủy bỏ tư cách | Số thành viên cuối kỳ |
|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------|

**Biểu 2: Hoạt động chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên**

| Tên thành viên | Ngày nhận hồ sơ | Ngày chấp thuận/hủy bỏ | Thời gian xử lý (ngày) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện công bố thông tin |
|----------------|-----------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
|----------------|-----------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------|

- Thuyết minh về nguyên nhân của việc hủy bỏ tư cách thành viên;
- Thuyết minh về việc số ngày xử lý (chấp thuận hoặc hủy bỏ tư cách thành viên) vượt số ngày quy định theo quy định hiện hành.

### 3.2. Quản lý đại diện giao dịch của thành viên

Biểu 3: Quản lý đại diện giao dịch của thành viên

| Tên CTCK | Số lượng thẻ đại diện giao dịch |                         |         |         |               | Đại diện giao dịch                                  |   |         |
|----------|---------------------------------|-------------------------|---------|---------|---------------|---|---|---------|
|          | Đầu kỳ                          | Cấp mới/cấp lại/gia hạn | Thu hồi | Cuối kỳ | Lý do thu hồi | Họ và tên nhân viên được cấp thẻ đại diện giao dịch | Họ và tên nhân viên bị thu hồi thẻ đại diện giao dịch | Số CMND |
|          |                                 |                         |         |         |               |   |   |         |

### 3.3. Giám sát thành viên

- Giám sát hoạt động của thành viên.
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin của thành viên.

Biểu 4: Thống kê vi phạm chế độ báo cáo, công bố thông tin của thành viên

| Tên thành viên | Công bố thông tin                                   |  | Báo cáo   |  |
|----------------|---|--|---|--|
|                | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong kỳ | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong năm | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong kỳ | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong năm |
|                |   |  |   |  |

#### Ghi chú:

- + Giải trình về việc chậm hoặc không thực hiện công bố thông tin hoặc báo cáo của thành viên (nếu có);
- + Xử lý của Sở giao dịch chứng khoán đối với các vi phạm này (nếu có);
- Giám sát hoạt động của đại diện giao dịch của thành viên

- Kiểm tra thành viên trong năm (định kỳ/bất thường): Số lượng, tên công ty, thời gian kiểm tra.

### 3.4. Xử lý các hành vi vi phạm của thành viên

Biểu 5: Thống kê xử lý vi phạm của thành viên và đại diện giao dịch của thành viên

| Tên thành viên | Xử lý vi phạm của thành viên |                |                 |            | Xử lý vi phạm của đại diện giao dịch của thành viên |                      |                 |             |            |
|----------------|------------------------------|----------------|-----------------|------------|---|----------------------|-----------------|-------------|------------|
|                | Hành vi vi phạm              | Số lần vi phạm | Hình thức xử lý | Ngày xử lý | Hành vi vi phạm                                     | Số lần xử lý vi phạm | Hình thức xử lý | Lý do xử lý | Ngày xử lý |
|                |                              |                |                 |            |   |                      |                 |             |            |

## 4. Về quản lý, giám sát niêm yết/đăng ký giao dịch

### 4.1. Cấp phép, hủy bỏ niêm yết

Biểu 6: Hoạt động chấp thuận niêm yết/đăng ký giao dịch, thay đổi niêm yết/đăng ký giao dịch

| Tên tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch | Niêm yết lần đầu |   |                                   |                  | Số lượng chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch đầu kỳ | Thay đổi niêm yết/đăng ký giao dịch         |               | Số lượng chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch cuối kỳ | Người đại diện theo pháp luật | Người được ủy quyền công bố thông tin | Ngày nộp hồ sơ | Ngày chấp thuận hoặc thay đổi hoặc hủy bỏ niêm yết/đăng ký giao dịch | Số ngày xử lý |
|--|------------------|---|-----------------------------------|------------------|--|---|---------------|---|-------------------------------|---------------------------------------|----------------|--|---------------|
|  | Số lượng đầu kỳ  | Cấp phép niêm yết/đăng ký giao dịch lần đầu | Hủy bỏ niêm yết/đăng ký giao dịch | Số lượng cuối kỳ |  | Số lượng niêm yết/đăng ký giao dịch bổ sung | Thay đổi khác |   |                               |                                       |                |  |               |
| 1                                      | 2                | 3   | 4                                 | 5=2+3-4          | 6  | 7   | 8             | 9=6+7   | 10                            | 11                                    | 12             | 13   | 14=13-12      |

Ghi chú: Giải trình về việc xử lý chậm cấp phép niêm yết/đăng ký giao dịch lần đầu, thay đổi niêm yết/đăng ký giao dịch, hủy bỏ niêm yết/đăng ký giao dịch (nếu có) so với thời gian quy định hiện hành.

#### 4.2. Giám sát niêm yết/đăng ký giao dịch

- Giám sát hoạt động của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch;
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch.

Biểu 7: Thống kê vi phạm chế độ báo cáo, công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch

| Tên tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch | Công bố thông tin                                   |  | Báo cáo   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong kỳ | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong năm | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong kỳ | Số lần thực hiện chậm hoặc không thực hiện trong năm |
|  |   |  |   |  |

Ghi chú:

+ Giải trình về việc chậm hoặc không thực hiện công bố thông tin hoặc báo cáo của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch (nếu có);

+ Xử lý của Sở giao dịch chứng khoán đối với các vi phạm này (nếu có);

#### 4.3. Xử lý vi phạm

Biểu 8: Thống kê xử lý vi phạm của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch và người liên quan

| Tên tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch | Xử lý vi phạm của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch |                |                 |            | Xử lý vi phạm của cổ đông lớn hoặc cổ đông nội bộ và người có liên quan của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch |                |                 |            |
|--|--|----------------|-----------------|------------|--|----------------|-----------------|------------|
|  | Hành vi vi phạm                                      | Số lần vi phạm | Hình thức xử lý | Ngày xử lý | Hành vi vi phạm  | Số lần vi phạm | Hình thức xử lý | Ngày xử lý |
|  |  |                |                 |            |  |                |                 |            |

5. Về tổ chức đấu giá cổ phần, đấu thầu trái phiếu

6. Các hoạt động khác do Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức liên quan đến chứng khoán.

## II. BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ VÀ QUY ĐỊNH CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

### III. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG NÊU TẠI PHẦN I VÀ II

#### IV. KIẾN NGHỊ

1. Về chính sách chế độ
2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận:  
- UBCKNN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

09614973

Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

#### Ghi chú:

- Báo cáo tại Phụ lục 1 được thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Mục IV Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Báo cáo được lập dưới hình thức dữ liệu điện tử và văn bản, font chữ unicode Time New Roman.

## Phụ lục 02

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TTLKCK**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 151/2009/TT-BTC ngày 23/7/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán)*

**TRUNG TÂM LƯU KÝ  
CHỨNG KHOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTLKCK

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200...

**I. VỀ VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TTLKCK**

1. Báo cáo đánh giá chung tình hình tổ chức hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

2. Về việc ban hành các văn bản

- Tên văn bản ban hành mới, số văn bản
- Tên văn bản cũ, số văn bản
- Tóm tắt nội dung sửa đổi chính

3. Về quản lý, giám sát thành viên lưu ký

3.1. Chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên

Biểu 1: Hoạt động chấp thuận, hủy bỏ tư cách thành viên lưu ký

| Tên công ty | Ngày nhận hồ sơ | Ngày chấp thuận/hủy bỏ | Số ngày xử lý | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện công bố thông tin |
|-------------|-----------------|------------------------|---------------|-------------------------------|----------------------------------|
|             |                 |                        |               |                               |                                  |

- Thuyết minh về việc hủy bỏ tư cách thành viên (nếu có);
- Thuyết minh về việc số ngày xử lý (chấp thuận hoặc hủy bỏ tư cách thành viên) vượt số ngày quy định theo quy định của pháp luật.

### 3.2. Quản lý mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Biểu 2: Hoạt động cấp mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

| Số đầu kỳ      |                | Phát sinh trong kỳ |            |                |            | Số cuối kỳ                 |                            |
|----------------|----------------|--------------------|------------|----------------|------------|----------------------------|----------------------------|
|                |                | Cá nhân            |            | Tổ chức        |            |                            |                            |
| Cá nhân<br>(1) | Tổ chức<br>(2) | Cấp mới<br>(3)     | Hủy<br>(4) | Cấp mới<br>(5) | Hủy<br>(6) | Cá nhân<br>(7)=(1)+(3)-(4) | Tổ chức<br>(8)=(2)+(5)-(6) |
|                |                |                    |            |                |            |                            |                            |

Ghi chú: Giải trình về việc số ngày xử lý vượt số ngày quy định theo Quy chế thành viên giao dịch tại Sở/Trung tâm giao dịch chứng khoán (nếu có).

### 3.3. Quản lý giao dịch ngoài hệ thống giao dịch

Biểu 3: Thống kê giao dịch ngoài hệ thống giao dịch

| Tên cá nhân/<br>tổ chức bên<br>chuyển khoản<br>(A) | Tên cá nhân/tổ<br>chức bên nhận<br>chuyển khoản<br>(B) | Tài khoản<br>giao dịch |     | Khối<br>lượng<br>thực<br>hiện | Ngày<br>giao<br>dịch | Loại<br>giao<br>dịch | Ghi<br>chú |
|--|--|------------------------|-----|-------------------------------|----------------------|----------------------|------------|
|  |  | (A)                    | (B) |                               |                      |                      |            |
|  |  |                        |     |                               |                      |                      |            |

### 3.4. Giám sát thành viên

- Giám sát hoạt động của thành viên
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin của thành viên

Biểu 4: Thống kê vi phạm chế độ báo cáo, công bố thông tin của thành viên lưu ký

| Tên<br>thành<br>viên | Công bố thông tin  |   | Báo cáo   |  | Số ngày<br>chậm so<br>với quy<br>định |
|----------------------|--|---|---|--|---------------------------------------|
|                      | Số lần thực<br>hiện chậm hoặc<br>không thực<br>hiện trong kỳ | Số lần thực<br>hiện chậm hoặc<br>không thực<br>hiện trong năm | Số lần thực<br>hiện chậm<br>hoặc không<br>thực hiện<br>trong kỳ | Số lần thực<br>hiện chậm<br>hoặc không<br>thực hiện<br>trong năm |                                       |
|                      |  |   |   |  |                                       |

Ghi chú:

- + Giải trình về việc chậm hoặc không thực hiện công bố thông tin hoặc báo cáo của thành viên (nếu có);
- + Xử lý của Trung tâm lưu ký chứng khoán đối với các vi phạm này (nếu có);
- + Kiến nghị.

### 3.5. Xử lý vi phạm

Biểu 5: Thống kê xử lý vi phạm của thành viên lưu ký

| Tên thành viên | Xử lý vi phạm của thành viên |                 |             |            |
|----------------|------------------------------|-----------------|-------------|------------|
|                | Số lần xử lý vi phạm         | Hình thức xử lý | Lý do xử lý | Ngày xử lý |
|                |                              |                 |             |            |

4. Các hoạt động khác do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tổ chức.

**II. BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ VÀ QUY ĐỊNH CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

**III. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG NÊU TẠI PHẦN I VÀ II**

**IV. KIẾN NGHỊ**

1. Về chính sách chế độ
2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận:  
- UBCKNN.

**TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

Ghi chú:

- Báo cáo tại Phụ lục 2 được thực hiện theo quy định tại Điểm 2 Mục IV Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Báo cáo được lập dưới hình thức dữ liệu điện tử và văn bản, font chữ unicode Time New Roman.